

Bản án số: 20/2024/HS-PT
Ngày 11 - 01 - 2024

3. Phan Thành L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/8/1999 tại Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị D1, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPVPHC ngày 02/02/2016 của Công an huyện H, tỉnh Nam Định xử phạt bằng hình thức phạt tiền 3.750.000 đồng về hành vi vận chuyển trái phép pháo (đã được xóa); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2022 cho đến nay, có mặt.

* *Ngoài ra còn có:* Một số bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan nhưng không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L nhận được đơn tố giác của Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 16/6/2007, là nhân viên phục vụ quán Karaoke Bảo N1 2, về việc bị chủ quán là Hoàng Thị H2 giam lỏng, không cho tự do đi lại và bắt ép làm giấy vay nợ số tiền lớn dẫn đến không có khả năng thanh toán. Phòng C1 Công an tỉnh L tiến hành kiểm tra xác định: Hoàng Thị H2 hoạt động kinh doanh quán Karaoke mang tên Bảo N1 2, tại địa chỉ thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, giấy phép kinh doanh mang tên Chu Văn K, sinh năm 1977 (là chồng cũ Hoàng Thị H2 đứng tên). Qua kiểm tra phát hiện Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 16/6/2007 và Hoàng Thị Thu M, sinh ngày 28/11/2007, cả hai nhân viên này đều chưa đủ tuổi lao động. Tổ công tác tiến hành lập biên bản đưa về trụ sở làm rõ.

Quá trình điều tra Hoàng Thị H2 khai nhận: Do ảnh hưởng dịch bệnh C dẫn đến khó khăn về kinh tế nên Hoàng Thị H2 đã nảy ra ý định tuyển nhân viên nữ về làm dịch vụ phục vụ rót bia, chọn bài hát và hát cùng khách tại quán K1 để hưởng lợi như sau: Hoàng Thị H2 thu của khách hát giá 180.000đ/1 tiếng/nhân viên, Hoàng Thị H2 trả công cho nhân viên 100.000đ/1 tiếng/nhân viên, Hoàng Thị H2 được hưởng 80.000đ/1 tiếng/nhân viên. Trong khoảng tháng 5/2022 và tháng 7/2022 Hoàng Thị H2 cùng đồng phạm đã tuyển mộ, vận chuyển và chứa chấp 02 người dưới 16 tuổi để làm nhân viên phục vụ quán karaoke tại địa chỉ thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

Ngày 17/5/2022, do có nhu cầu tuyển nhân viên Hoàng Thị H2 đã thông qua mạng xã hội facebook được biết ở tỉnh Vĩnh Phúc có nhân viên quán karaoke muốn chuyển chỗ làm. Hoàng Thị H2 và Nguyễn Xuân Q tìm hiểu biết Hoàng Thị Thu M đang nợ quán số tiền 47.000.000 đồng; sau khi thỏa thuận để tiếp

nhận, Hoàng Thị T2 M đồng ý về làm nhân viên cho Hoàng Thị H2; Hoàng Thị H2 đã thanh toán toàn bộ số nợ cho chủ cũ của Hoàng Thị T2 May rồi đón Hoàng Thị Thu M về quán K1 2 làm nhân viên để trả dần số nợ trên. Khi về đến quán K1, H2 cho M biết mình đã bỏ ra số tiền 47.500.000 đồng để trả cho chủ quán cũ của M và yêu cầu M viết giấy nợ số tiền 58.000.000 đồng, bao gồm 47.500.000 đồng và 10.500.000 đồng chi phí đi lại, mua đồ dùng cá nhân cho M.

Khoảng đầu tháng 6/2022, thông qua một người tên H3 (không rõ lai lịch) là nhân viên quản lý của Nguyễn Thành N, Bùi Thị G. H3 trao đổi với Nguyễn Thành N, Bùi Thị G về việc Trần Thị Thùy T1 đang làm nhân viên quán karaoke ở Hà Nội muốn chuyển chỗ làm. Sau đó Nguyễn Thành N mượn xe ô tô hiệu Ford Ranger, biển số 18C-072.77 của bạn và điều khiển xe ô tô cùng H3, L lên Hà Nội đến khu vực giáp với tỉnh Bắc Ninh để đón T1 (không nhớ địa chỉ, tên quán). Đến đó N ngồi trên xe còn H3, L cầm 8.000.000 đồng đi vào trong trao đổi với chủ quán thì được biết T1 nợ tổng số tiền là 11.000.000 đồng. Sau đó L đã trả số tiền còn thiếu là 2.500.000 đồng, (khi thanh toán L đã xin bớt 500.000 đồng) rồi đón T1 về. T1 về đến Nam Định, được G bố trí chỗ ăn, ở tại khu nhà trọ của vợ chồng G, N và bắt đầu làm nhân viên phục vụ quán karaoke Công T3 do Nguyễn Văn T4, sinh năm 1979, trú tại: Xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và quán K2 do Hoàng Văn H4, sinh năm 1992, trú tại: Xóm I, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký giấy phép kinh doanh. T1 làm được khoảng 01 tháng thì lại muốn chuyển đi nơi khác.

Ngày 06/7/2022, Nguyễn Văn T5 thông qua mạng xã hội facebook được biết Trần Thị Thùy T1 đang phục vụ các quán Karaoke trên địa bàn huyện H, tỉnh Nam Định có nhu cầu thay đổi nơi làm. Nguyễn Văn T5 đã thông tin cho Hoàng Thị H2, cùng ngày Hoàng Thị H2 nhờ Hoàng Văn Q1 đi cùng Nguyễn Văn T5 đến Nam Định để xem mặt, tuyển mộ T1 nếu đủ tiêu chuẩn Hoàng Thị H2 mới chuyển tiền cho T5 đưa T1 về làm nhân viên quán K1. Khi đi Hoàng Thị H2 đưa cho Q1 1.000.000 đồng chi phí đi đường. Sau khi trao đổi với Hoàng Thị H2, T5 điều khiển xe ô tô HUYNDAI- Grand I10, biển số 98A-249.81 chở Q1 và Nguyễn Văn B, sinh năm 1991, trú tại thôn L, xã H, tỉnh Bắc Giang cùng đi đến xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Đến nơi Bắn ngủ ngoài xe, T5 và Q1 đi vào quán bán điện thoại “Lợi Iphone” của Phan Thành L nói chuyện với N, G, L. Sau đó gặp trực tiếp T1, Q1; thấy T1 có đủ tiêu chuẩn làm nhân viên như H2 yêu cầu nên đã báo lại cho H2 biết. Nhận được điện thoại của Q1 và T5, H2 đã chuyển tiền từ tài khoản 08880 10528 8888 ngân hàng MB của H2 vào tài khoản số 22070 40700 01206 ngân hàng H6 cho T5 số tiền 22.000.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng để T5 mua xăng. T5 đã chuyển vào tài khoản số 91999 0902 6666 ngân hàng MB của Bùi Thị G số tiền 21.000.000 đồng và đưa T1 về. Khi đi đến thành phố B, H2 cùng Chu Văn K đang trên đường đi sinh nhật con gái về nên H2 bảo

T5 dừng xe ở quảng trường Bắc Giang cho T1 lên xe cùng H2 về quán K1. Tại đây H2 yêu cầu T1 viết giấy vay nợ số tiền 29.000.000 đồng, bao gồm 21.000.000 đồng tiền nợ chủ cũ và 8.000.000 đồng tiền xe và tiền công đưa đón. (sau đó Q1 đã trả cho H2 700.000 đồng). Ngày 07/7/2022 H2 chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng M1 của mình vào tài khoản ngân hàng H6 của T5 số tiền 5.000.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng tiền cước xe và tiền công T5 giới thiệu nhân viên T1 cho H2. 1.000.000 đồng là tiền H2 nợ tiền xe taxi trước đó.

Hai nhân viên M, T1 từ ngày về quán K1 2 làm việc theo sự quản lý, giám sát của Hoàng Thị H2, không được tự ý ra khỏi quán, chỉ được sử dụng điện thoại di động theo giờ cho phép. Để thu hút khách H2 yêu cầu nhân viên phải làm đẹp, mua sắm quần áo, đồ trang điểm, tiêm môi, tiêm cằm...sau đó cộng vào số nợ của M, T1. Khi M, Trang phục vụ khách không nhiệt tình và có ý định trốn thì sẽ bị phạt tiền cộng thêm vào số nợ cũ dẫn đến số nợ ngày càng tăng, không có khả năng thanh toán.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, các Điều 17, Điều 50, Điều 58; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Thành L;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, các Điều 17, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thành N;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, các Điều 17, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Thị G;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành N, Bùi Thị G, Phan Thành L phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/10/2022.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị G 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Thành L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/11/2022.

Ngoài ra bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án; xử lý vật chứng, quyết định nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2023 bị cáo Phan Thành L và ngày 29/8/2023 các bị cáo Bùi Thị G và Nguyễn Thành N đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo G xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo G vắng mặt, các bị cáo N, L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các bị cáo trình bày:

- Bị cáo Nguyễn Thành N trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng mức hình phạt như bản án sơ thẩm là quá cáo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ cũng là bị cáo trong vụ án và hiện hai còn đang còn nhỏ, nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Phan Thành L trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết; bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bố bị bệnh ung thư vừa chết, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Bùi Thị G vắng mặt nhưng không có lý do chính đáng, không vì trở ngại khách quan, nên không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa, nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ thấy rằng cấp sơ thẩm quy kết đối với các bị cáo về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt các bị cáo với mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật không cao; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Thị G đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do bị ốm, nhưng không có chứng cứ, tài liệu kèm theo để chứng minh việc vắng mặt của bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan; bị cáo Bùi Thị G chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên Hội đồng phúc thẩm không có quyền ban hành bản án theo hướng bất lợi cho bị cáo. Do đó, đây không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành vụ án theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thành N, Phan Thành L đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Tháng 6/2022 các bị cáo Nguyễn Thành N, Phan Thành L đã đến quán karaoke tại thành phố Hà Nội trả số tiền 10.500.000 đồng để tiếp nhận cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 16/6/2007 và đưa cháu Trần Thị Thùy T1 về để Bùi Thị G bố trí chỗ ăn ở, làm nhân viên phục vụ quán karaoke; sau đó Bùi Thị G, Nguyễn Thành N, Phan Thành L đã chuyển giao cháu Trần Thị Thùy T1 cho Hoàng Thị H2 để nhận số tiền 21.000.000 đồng thông qua Nguyễn Văn T5, Hoàng Văn Q1. Do tại thời điểm này bị hại Trần Thị Thùy T1 chưa đủ 16 tuổi, nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”; Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo với tội danh nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan.

[3] Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận nên các bị cáo vẫn cấu kết để thực hiện nhằm hưởng lợi bất hợp pháp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do của người khác; gây bất ổn định trật tự xã hội. Do đó, cần phải có biện pháp xử lý thích đáng.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội, đã phân hóa đúng vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cũng như đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, như: Các bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo N, G có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa sơ thẩm được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phan Thành L đã bồi thường cho bị hại Trần Thị Thùy T1 tổng số tiền 8.000.000 đồng, tích cực tham gia ủng hộ đóng góp quỹ nhân đạo tại địa phương, có cụ ngoại là Liệt sỹ Trần Văn R1 được nhà nước cấp bằng Tổ quốc ghi công, ông ngoại là ông Trần Văn B1 được tặng danh hiệu 30

năm tuổi Đảng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn bố bị ung thư, là lao động chính trong gia đình; bị cáo Nguyễn Thành N thường xuyên cộng tác với lực lượng Công an xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương, phối hợp với C2 bắt thành công đối tượng có hành vi Cướp tài sản, được Công an xã xác nhận, có ông nội là Nguyễn Thế H5 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và các cụ, ông chú trong gia đình được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý; bị cáo Bùi Thị G đang nuôi 02 con nhỏ đang đi học, sau khi phạm tội đã đón bị hại Trần Thị Thùy T1 về cư mang. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo là có căn cứ.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành N, Bùi Thị G, Phan Thành L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, các Điều 17, Điều 50, Điều 58; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Thành L;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, các Điều 17, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thành N;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, các Điều 17, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Thị G;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành N, Bùi Thị G, Phan Thành L phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/10/2022;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị G 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi thi hành án;

Xử phạt bị cáo Phan Thành L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/11/2022.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành N, Bùi Thị G, Phan Thành L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn (04 bản);
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CS điều tra Công an Lạng Sơn;
- Cơ quan THA HS, Công an Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp Nam Định, Lạng Sơn;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo Thành, Lợi (qua trại tạm giam);
- Bị cáo Giang (theo địa chỉ);
- Huyện ủy, huyện Hải Hậu, Nam Định;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm